

**CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1510 /HYE-NVDTPC

Hưng Yên, ngày 22 tháng 8 năm 2025

V/v triển khai tài liệu hướng dẫn thủ tục
hành chính tại Trung tâm hành chính công.

Kính gửi:

- Văn phòng, các Phòng thuộc Thuế tỉnh Hưng Yên,
- Các Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh Hưng Yên.

Thực hiện kết luận tại cuộc họp trực tuyến triển khai Thông báo số 499/TB-CT ngày 22/7/2025 của Cục Thuế về việc triển khai các nhiệm vụ thực hiện TTHC thuế tại 34 Thuế tỉnh, thành phố; Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Thuế tỉnh Hưng Yên về việc lập danh mục TTHC, hồ sơ hướng dẫn thực hiện (tạo mã QR để xem tài liệu) hỗ trợ NNT, để niêm yết công khai tại các Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24/4/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (theo đó: lĩnh vực Thuế có 219 thủ tục hành chính). Nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ trong cơ quan thuế cũng như tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người nộp thuế, Thuế tỉnh Hưng Yên lựa chọn một số thủ tục (52 thủ tục) hành chính thuế thường xuyên phát sinh trên tại bàn tỉnh, tạo mã QR kết nối internet để xem tài liệu.

(Chi tiết theo biểu đính kèm).

Đề nghị Thuế cơ sở, các phòng liên quan nghiên cứu, phổ biến đến cán bộ, công chức tuyên truyền, hướng dẫn người nộp thuế, bố trí vị trí niêm yết danh mục thủ tục hành chính thuế tại các Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp xã để người nộp thuế dễ dàng tiếp cận, tra cứu thông tin thủ tục hành chính thuế. Kết hợp bố trí cán bộ trực, phối hợp tại các Trung tâm hành chính công để hướng dẫn, tiếp nhận và giải đáp các vướng mắc liên quan đến thủ tục hành chính thuế.

Trong quá trình triển khai thực hiện phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị tổng hợp báo cáo về Thuế tỉnh qua Phòng Nghiệp vụ dự toán pháp chế xem xét, xử lý./.

xe
Nơi nhận:

- Như trên;
- Trung tâm HCC tỉnh, phường, xã (phối hợp);
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, NVDTPC^{Tâm}.

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**



Phan Hồng Việt



DANH MỤC VÀ NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THUẾ
(Kèm theo Công văn số 1510 /HYE-NVDTPC ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Thuế tỉnh Hưng Yên)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Trực tuyến	Trực tiếp và bưu chính	Mã QR
1	1.007042	Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn	X	X	
2	1.007565	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh không thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh.	X	X	
3	1.008008	Đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử/Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch điện tử	X		
4	1.008493	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai, nộp thuế nhà thầu hoặc các nghĩa vụ thuế khác trừ thuế nhà thầu do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay với cơ quan thuế.	X	X	
5	1.008494	Đăng ký thuế để cấp mã số thuế nộp thay đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng (nếu có nhu cầu cấp mã số thuế riêng cho hợp đồng hợp tác kinh doanh); Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức, cá nhân được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài; Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu	X	X	
6	1.008498	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập.	X	X	
7	1.008499	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế.	X	X	



STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Trực tuyến	Trực tiếp và bưu chính	Mã QR
8	1.008500	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập.	X	X	
9	1.008502	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)	X	X	
10	1.008503	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập.	X	X	
11	1.008504	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi; doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ tại CQT nơi chuyển đi trước khi thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh	X	X	
12	1.008505	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến), trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh.	X	X	
13	1.008759	Đăng ký thuế trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức	X	X	
14	1.010241	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế.	X	X	
15	1.010244	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp tại cơ quan thuế	X	X	
16	2.002225	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác có phát sinh nghĩa vụ với NSNN và đơn vị phụ thuộc (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)	X	X	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Trực tuyến	Trực tiếp và bưu chính	Mã QR
17	2.002229	Đăng ký người phụ thuộc (NPT) giảm trừ gia cảnh đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công	X	X	
18	1.007014	Khai thuế GTGT đối với phương pháp khấu trừ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh	X	X	
19	1.007016	Khai thuế Giá trị gia tăng đối với phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng	X	X	
20	1.007022	Khai thuế Giá trị gia tăng đối với phương pháp trực tiếp trên doanh thu	X	X	
21	1.007026	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu.	X	X	
22	1.007041	Khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học	X	X	
23	1.008324	Khai thuế giá trị gia tăng đối với phương pháp khấu trừ thuế đối với dự án đầu tư thuộc diện được hoàn thuế	X	X	
24	1.008309	Khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công	X	X	
25	1.007277	Khai lệ phí trước bạ nhà, đất/ Miễn lệ phí trước bạ nhà, đất	X	X	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Trực tuyến	Trực tiếp và bưu chính	Mã QR
26	1.007695	Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân - Trường hợp khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp của năm.	X	X	
27	1.007696	Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với tổ chức - Trường hợp khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp của năm	X	X	
28	1.008338	Khai lệ phí môn bài	X	X	
29	2.002263	Khai thuế sử dụng đất nông nghiệp	X	X	
30	1.011006	Khai tiền thuê đất, thuê mặt nước	X	X	
31	1.008568	Miễn, giảm thu tiền sử dụng đất	X	X	
32	1.011024	Miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	X	X	
33	3.000088	Miễn tiền chậm nộp	X	X	
34	1.008589	Không tính tiền chậm nộp	X	X	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Trực tuyến	Trực tiếp và bưu chính	Mã QR
35	3.000083	Giảm thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, do bị tai nạn; mắc bệnh hiểm nghèo	X	X	
36	1.007037	Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư	X	X	
37	1.007039	Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	X	X	
38	1.008565	Hoàn nộp thừa các loại thuế và các khoản thu khác	X	X	
39	1.008562	Hoàn thuế TNCN đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện quyết toán cho các cá nhân có ủy quyền quyết toán thuế	X	X	
40	1.008591	Thủ tục xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế	X	X	
41	1.007607	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh do chấm dứt hoạt động kinh doanh; chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh	X	X	
42	1.008507	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác và đơn vị phụ thuộc (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)	X	X	
43	1.008510	Khôi phục mã số thuế	X	X	

NAM

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Trực tuyến	Trực tiếp và bưu chính	Mã QR
44	1.011043	Đăng ký mới/bổ sung thông tin đăng ký/thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử để khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử	X	X	
45	1.011044	Đăng ký sử dụng hình thức tra cứu thông tin hóa đơn điện tử (Bằng hình thức điện tử/ hình thức nhắn tin qua số điện thoại di động)	X	X	
46	1.010337	Đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử/ Thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử/ Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử/ Chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế/Khai thác dữ liệu của chi nhánh, đơn vị phụ thuộc/Thông báo tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử/Tích hợp hóa đơn điện tử với biên lai thu thuế, phí, lệ phí	X	X	
47	1.010339	Cấp/Điều chỉnh/Thay thế hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh	X	X	
48	1.010341	Xử lý hóa đơn điện tử đã lập sai	X	X	
49	1.014030	Thủ tục kê khai và nộp thuế đã khấu trừ đối với các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử của hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử	X	X	
50	1.014031	Thủ tục kê khai, nộp thuế của cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử không có chức năng thanh toán	X	X	
51	1.014032	Thủ tục kê khai, nộp thuế đối với cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử không có chức năng thanh toán	X	X	
52	1.014033	Thủ tục hoàn thuế của hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử	X	X	